

Số: 519/QĐ-UBND

Ayun Pa, ngày 13 tháng 12 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**V/v Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch tỉnh giản biên chế
trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập
trên địa bàn thị xã giai đoạn 2015 - 2021**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 462/QĐ-UBND ngày 18/4/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch tỉnh giản biên chế hành chính sự nghiệp tỉnh Gia Lai giai đoạn 2015 – 2021;

Thực hiện Quyết định số 590/QĐ-UBND ngày 18/12/2018 của UBND tỉnh Gia Lai về việc thành lập các Trung tâm Y tế huyện, thị xã, thành phố trên cơ sở sáp nhập Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình cấp huyện vào Trung tâm Y tế cùng cấp, tổ chức lại Ban Y tế dự phòng thuộc Trung tâm Y tế cấp huyện, sáp nhập Bệnh viện đa khoa khu vực (thị xã An Khê, thị xã Ayun Pa) vào Trung tâm Y tế huyện, thị xã, thành phố; Quyết định số 591/QĐ-UBND ngày 18/12/2018 của UBND tỉnh Gia Lai về việc thành lập Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện, thị xã, thành phố trên cơ sở hợp nhất Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Trạm Chăn nuôi và Thú y, Trạm Khuyến nông, biên chế khuyến công, biên chế định canh định cư tại các huyện, thị xã, thành phố; Quyết định số 592/QĐ-UBND ngày 18/12/2018 của UBND tỉnh Gia Lai về việc thành lập Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao huyện, thị xã, thành phố trên cơ sở hợp nhất Trung tâm Văn hóa (hoặc biên chế sự nghiệp văn hóa), Thư viện, Đài Truyền thanh – Truyền hình huyện, thị xã, thành phố; Quyết định số 593/QĐ-UBND ngày 18/12/2018 của UBND tỉnh Gia Lai về việc giải thể Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên thị xã An Khê và Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên thị xã Ayun Pa;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Nội vụ thị xã tại Tờ trình số 431/TTr-NV ngày 06/12/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch tỉnh giản biên chế trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn thị xã giai đoạn 2015 – 2021 (có bảng kế hoạch chi tiết kèm theo).

Điều 2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện:

1. Trưởng phòng Nội vụ thị xã:

Tham mưu, trình UBND thị xã giao biên chế hàng năm theo kế hoạch tỉnh giản biên chế và sắp xếp bộ máy; theo dõi, kiểm tra việc thực hiện của các cơ quan, đơn vị.

Xây dựng kế hoạch biên chế hàng năm gắn với việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW.

Thẩm định đối tượng và hướng dẫn kịp thời cho các cơ quan, đơn vị trong việc giải quyết chính sách đối tượng tinh giản biên chế.

Hàng năm, xác định lại số lượng biên chế công chức, số lượng người làm việc tăng thêm của từng vị trí việc làm đã có trong phạm vi biên chế được phép sử dụng và đề xuất đăng ký tuyển dụng, tiếp nhận theo đúng quy định.

Chủ động đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã điều tiết biên chế công chức, số lượng người làm trong các cơ quan, đơn vị để sử dụng hiệu quả biên chế khi Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

2. Trưởng phòng Tài chính – kế hoạch:

Thẩm định kịp thời kinh phí tinh giản biên chế; đề xuất cân đối ngân sách kịp thời để chi trả chính sách cho đối tượng tinh giản biên chế theo quy định của Trung ương.

Đề xuất UBND thị xã điều tiết, cắt giảm kinh phí chi thường xuyên cho phù hợp với tiến độ giải quyết chính sách cho các đối tượng tinh giản biên chế trong năm tài chính.

3. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị:

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của đơn vị và chỉ tiêu biên chế được giao, sắp xếp, bố trí, phân công cho cán bộ công chức, viên chức đúng trình độ chuyên môn, vị trí việc làm; chấm dứt các hợp đồng làm chuyên môn, nghiệp vụ.

Tăng cường công tác tuyên truyền; thường xuyên rà soát, xác định đúng đối tượng tinh giản biên chế theo quy định hiện hành.

Chịu trách nhiệm trước lãnh đạo UBND thị xã khi không thực hiện nghiêm kế hoạch tinh giản biên chế.

Ký kết hợp đồng công việc quy định tại Nghị định số 68/2000/NĐ-CP theo quy định tại Điều 3 của Nghị định số 161/2018/NĐ-CP (ký kết hợp đồng lao động theo pháp luật lao động, không dùng bảng lương của Nghị định 204/2014/NĐ-CP).

4. Các hội quần chúng thực hiện nghiêm túc và nhất quán nguyên tắc tự nguyện, tự quản, tự bảo đảm kinh phí hoạt động, ngân sách chỉ cấp kinh phí để thực hiện những nhiệm vụ do Đảng và nhà nước giao. Trong khi chưa có quy định của cấp có thẩm quyền, Phòng Tài chính – Kế hoạch duy trì việc đề xuất cấp kinh phí hoạt động thường xuyên của hội (trường hợp có khó khăn, vướng mắc phải kịp thời tổng hợp, báo cáo UBND thị xã xin ý kiến cấp trên có thẩm quyền).

Điều 3. Quyết định này thay thế Quyết định số 608/QĐ-UBND ngày 26/9/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Các ông (bà) Chánh Văn phòng HĐND&UBND thị xã, Trưởng phòng Nội vụ thị xã, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch thị xã, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị; Người đứng đầu Hội quần chúng được giao biên chế có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- TT TU, TT HĐND thị xã;
- CT, các PCT UBND thị xã;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc thị xã;
- Lưu: VT

3h



CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Lộc



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH, CẮT GIẢM BIÊN CHẾ HÀNH CHÍNH, SỰ NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2015 - 2021
(Kèm theo Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 13/12/2019 của UBND thị xã)

Đơn vị																
	Biên chế của các cơ quan đã cắt giảm trước khi thực hiện lộ trình	Biên chế cao nhất được cấp có thẩm quyền giao làm mốc để tính giảm	Biên chế giao năm 2019	Có mặt đến 01/12/2019	Biên chế cắt giảm (theo QĐ 383, 462 của tỉnh)		Lộ trình điều chỉnh, bổ sung cắt giảm từ năm 2020 đến năm 2021							Số Biên chế còn lại cuối giai đoạn	Lũy kế tổng biên chế cắt giảm từ năm 2015 đến 2021 (14=5+11)	Lũy kế Tỷ lệ cắt giảm từ năm 2015 đến 2021 (15=6+12)
					Số lượng	%	2018	2019	2020	2021	Số lượng	%				
A		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
HÀNH CHÍNH																
Văn phòng HĐND & UBND thị xã	1	86	82	76	6	6,98	0	0	3	3	6	7,0	77	12	13,95	
Phòng Tài nguyên - Môi trường thị xã		17	18	17		0,0				1	1	2	11,8	16	2	11,8
Phòng Kinh tế thị xã		7	6	5	1	14,3					1	1	14,3	5	2	15,3
Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã	1	7	7	6		0,0				1		1	14,3	6	1	14,3
Phòng Tài chính - Kế hoạch thị xã	1	6	6	6		0,0					0	0	0,0	6	0	0,0
Phòng Nội vụ thị xã	1	8	7	6	1	12,5					0	0	0,0	8	1	1,0
Phòng Lao động TB&XH thị xã	2	8	7	6	1	12,5				1	1	1	12,5	6	2	13,5
Phòng Tư pháp thị xã		6	6	6		0,0					0	0	0,0	6	0	0,0
Cơ quan Thanh tra thị xã		5	4	4	1	20,0					0	0	0,0	4	1	1,0
Phòng Văn hoá - Thông tin thị xã		5	5	5		0,0					0	0	0,0	5	0	0,0
Phòng Quản lý đô thị thị xã		4	4	4		0,0					0	0	0,0	4	0	0,0
Phòng Y tế thị xã	1	6	5	5	1	16,7					0	0	0,0	5	1	1,0
Phòng Dân tộc thị xã		3	3	2	1	33,3			1		1	1	33,3	2	2	34,3
Phòng Dân tộc thị xã		4	4	4		0,0					0	0	0,0	4	0	0,0
SỰ NGHIỆP																
Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp		576	572	435	26	9,7	0	0	17	16	33	23,0866	539	59	32,74	
Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao		16	16	13		0,0			1	1	2	12,50	14	2	12,50	
SN Giáo dục (Các trường NM;TH;THCS)		20	19	15	1	5,0				1	1	5,00	18	2	10,00	
SN Lưu trữ (Phòng Nội vụ)		537	534	404	25	4,7			16	14	30	5,59	504	55	10,24	
SN Lưu trữ (Phòng Nội vụ)		3	3	3							0	0,00	3	0	0,00	
TỔ CHỨC HỘI (Hội Chữ thập đỏ)																
HDLĐ THEO ND68		3	3	3			3				3		0	3	0,0	
VP HĐND & UBND thị xã(Lái xe, tạp vụ)		31	30	29	1	4	0	0	1	1	2	6,45	0	3	10,45	
Phòng Lao động TB&XH(Quản trang)		4	4	4							0					
Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao(Lái xe)		1	1	1							0					
Bảo vệ; cấp đường Các trường NM;TH;THCS		1	1	1							0					
Bảo vệ; cấp đường Các trường NM;TH;THCS		25	24	23	1	4,0			1	1	2	8,0	0	3	12,00	

12.00

